

Số: 143/2026/QĐST-DS

*Gia Lai, ngày 19 tháng 8 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 343/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần P. Địa chỉ trụ sở: Tầng C, tòa nhà C, số H T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0111037911, do Sở Tài Chính Thành phố H - Phòng Đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp cấp. Đăng ký lần đầu ngày 25/04/2025, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 08/5/2025.

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Không Vũ Tuấn A - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người được ủy quyền khởi kiện:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A1 (Theo Hợp đồng ủy quyền số 514/UQ.VETRA - ABB ngày 24/10/2025 giữa A2 và Công ty Cổ phần P).

*Địa chỉ trụ sở:* Tầng A, 2, 3 Tòa nhà G, C H, phường Ô, thành phố Hà

**Nội.**

Địa chỉ liên hệ: 18 P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Mạnh H - Chức vụ: Tổng Giám đốc A2.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hoài N - Chức vụ: Phó Giám đốc Khối kiêm Giám đốc cao cấp Xử lý nợ A2 (Theo Văn bản ủy quyền số: 0522/UQ-TGD.26 ngày 28/04/2026 của Tổng Giám đốc A2).

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoài N: Ông Hồ Việt C - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP A1.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành N1, sinh năm 1984 và Bà Nguyễn Lê Trúc Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: C H, phường P, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ và thời hạn trả nợ:

Ông Nguyễn Thành N1 và bà Nguyễn Lê Trúc Đ nợ Công ty Cổ phần P theo Hợp đồng cho vay từng lần số 7083.1/22/TD/CN/084 ngày 19/07/2022 và Hợp đồng cho vay từng lần số 7083.2/22/TD/CN/084 ngày 19/07/2022 với tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 10/8/2026 là 62.405.164.297 đồng (Sáu mươi hai tỷ bốn trăm lẻ năm triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng), trong đó tiền nợ gốc là 52.569.173.350 đồng và tiền nợ lãi là 9.835.990.947 đồng.

Thời hạn trả nợ:

Ông Nguyễn Thành N1 và bà Nguyễn Lê Trúc Đ có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty Cổ phần P số tiền 62.405.164.297 đồng (Sáu mươi hai tỷ bốn trăm lẻ năm triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng), trong đó tiền nợ gốc là 52.569.173.350 đồng và tiền nợ lãi là 9.835.990.947 đồng đến hết ngày 11 tháng 11 năm 2026 là hết nợ.

Kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2026 cho đến khi thanh toán xong nợ, ông Nguyễn Thành N1 và bà Nguyễn Lê Trúc Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay

từng lần số 7083.1/22/TD/CN/084 ngày 19/07/2022 và Hợp đồng cho vay từng lần số 7083.2/22/TD/CN/084 ngày 19/07/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

**2.2.** Trường hợp ông **Nguyễn Thành N1** và bà **Nguyễn Lê Trúc Đ** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, **Công ty Cổ phần P** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi, xử lý các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 7083/22/TC/CN/084 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 7083/22/TCSP/CN/084 cùng ký ngày 19/07/2022 để thu hồi nợ.

**2.3. Án phí và chi phí tố tụng:**

- Về án phí: Ông **Nguyễn Thành N1** và bà **Nguyễn Lê Trúc Đ** tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.202.582 đồng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 45.000.000 đồng: ông **Nguyễn Thành N1** và bà **Nguyễn Lê Trúc Đ** tự nguyện trả 45.000.000 đồng cho **Công ty Cổ phần P**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại **Công ty Cổ phần P** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp trước đây là 84.518.729 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006667 ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đã ký**

**Vũ Thu Hương**